

Số: **1351**/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **26** tháng **6** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức
Tổng cục Hải quan năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2023 của Tổng cục Hải quan. Trong đó, số chỉ tiêu tuyển dụng là 543 chỉ tiêu.

(Kế hoạch tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng trên cơ sở báo cáo của Hội đồng tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TH*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB (05b). *✓*



Hồ Đức Phúc

KẾ HOẠCH**TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC HẢI QUAN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: **1351/QĐ-BTC** ngày **26/6/2023** của Bộ Tài chính)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;
- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021;
- Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Quyết định số 111/QĐ-BTC ngày 06/02/2023 của Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức năm 2023 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ yêu cầu công tác và nhu cầu tuyển dụng công chức của Tổng cục Hải quan năm 2023.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Chỉ tuyển dụng công chức Tổng cục Hải quan năm 2023 là 543 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

- 64 chỉ tiêu đối với 11 đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan gồm: Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm định hải quan, Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục Quản lý rủi ro, Cục Giám sát quản lý về hải quan, Cục Tài vụ - Quản trị, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Vụ Hợp tác quốc tế, Văn phòng Tổng cục, Vụ Tổ chức cán bộ, Ban Cải cách, hiện đại hóa hải quan.

- 479 chỉ tiêu đối với 32 Cục Hải quan tỉnh, thành phố gồm: An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai - Kon Tum, Hà Giang, Hà Nam Ninh, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Quảng Trị, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế.

Trong đó, các vị trí việc làm theo ngạch công chức tuyển dụng gồm 10 vị trí việc làm như sau:

- Kiểm tra viên hải quan (mã ngạch: 08.051): 452 chỉ tiêu.
- Văn thư (mã ngạch: 02.007): 18 chỉ tiêu.
- Kế toán viên (mã ngạch: 06.031): 21 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (công nghệ thông tin; mã ngạch 01.003): 30 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (xây dựng cơ bản; mã ngạch 01.003): 05 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (hợp tác quốc tế; mã ngạch 01.003): 02 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (kế hoạch tài chính; mã ngạch 01.003): 05 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (văn phòng; mã ngạch 01.003): 02 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (tổ chức cán bộ; mã ngạch 01.003): 05 chỉ tiêu.
- Chuyên viên (cải cách hiện đại hóa; mã ngạch 01.003): 03 chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng theo Phụ lục 1 đính kèm)

III. QUY ĐỊNH CHUNG ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

Theo quy định tại điều 36, Luật Cán bộ, công chức năm 2008, cụ thể như sau:

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

- Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;
- Đáp ứng tiêu chuẩn chính trị của công chức hải quan;

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ. Hồ sơ xác định ưu tiên trong tuyển dụng như sau:

a) Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ các loại có xác nhận là:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); Quyết định được hưởng chính sách là thương binh; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học.

- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi do UBND cấp xã trở lên xác nhận.

b) Đối với sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân; giấy tờ xác nhận đã tốt nghiệp các khóa đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị.

c) Đối với người dân tộc thiểu số: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2 và phải nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc).

Lưu ý: Hồ sơ ưu tiên nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

3. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp Đại học, sau Đại học chuyên ngành ngoại ngữ thuộc 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung.

- Có bằng tốt nghiệp Đại học, sau Đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định, học bằng 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung.

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số: nộp bản chụp Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc) hoặc bản chụp (bản photo) chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ TRÌNH ĐỘ THÍ SINH DỰ TUYỂN

1. Về trình độ chuyên môn

Thí sinh dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên (không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập, ngoài công lập), có chuyên ngành đào tạo trên bằng tốt nghiệp hoặc bằng điểm theo yêu cầu của vị trí đăng ký dự tuyển.

(Chi tiết chuyên ngành của từng vị trí dự tuyển tại Phụ lục 2A, 2B kèm theo)

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục trong nước cấp: Trường hợp thí sinh dự tuyển hiện đã tốt nghiệp nhưng chưa được cơ sở đào tạo cấp bằng, khi nộp hồ sơ tuyển dụng có thể nộp giấy chứng nhận hoặc xác nhận tốt nghiệp và chờ cấp bằng của cơ sở đào tạo và phải bổ sung bằng tốt nghiệp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung bằng tốt nghiệp sẽ không được tham dự kì thi.

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh dự tuyển phải có chuyên ngành đào tạo được ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc bằng điểm phù hợp theo yêu cầu của vị trí đăng ký dự tuyển. Trường hợp tên chuyên ngành đào tạo ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc bằng điểm có bao gồm tên chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí đăng ký dự tuyển thì được xem xét để tham gia thi tuyển, ví dụ:

Chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của ngạch đăng ký dự tuyển	Chuyên ngành đào tạo ghi trên bằng hoặc bằng điểm được xem xét để tham gia thi tuyển
“Quản trị kinh doanh”	“ <u>Quản trị kinh doanh</u> và quản lý” hoặc “ <u>Nghiên cứu quản trị kinh doanh</u> ”
“Thuế”	“ <u>Thuế, Bảo hiểm</u> ”
“Luật”	“ <u>Luật kinh tế</u> ”
“Kỹ thuật máy tính”	“Tin học và <u>kỹ thuật máy tính</u> ”

2. Về trình độ tin học, ngoại ngữ

a) Trình độ tin học.

- Đối với ngạch Kiểm tra viên hải quan, ngạch Chuyên viên và ngạch Kế toán viên: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

- Đối với ngạch Văn thư: Không yêu cầu.

b) Trình độ ngoại ngữ.

- Đối với ngạch Kiểm tra viên hải quan, ngạch Chuyên viên và ngạch Kế toán viên: Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ theo vị trí dự tuyển tại các đơn vị như sau:

<p><u>Nhóm 1</u></p> <p>- Ngạch Kiểm tra viên hải quan tại đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục: Cục Thuế xuất nhập khẩu; Cục Quản lý rủi ro; Cục Giám sát quản lý về hải quan;</p> <p>- Ngạch kiểm tra viên hải quan tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố: Cục HQ TP. Hà Nội; Cục HQ TP. Hải Phòng; Cục HQ TP. Hồ Chí Minh; Cục HQ TP. Đà Nẵng; Cục HQ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Cục HQ tỉnh Đồng Nai; Cục HQ tỉnh Bình Dương.</p> <p>- Ngạch Chuyên viên (hợp tác quốc tế, cải cách hiện đại hóa).</p>	<p>Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành theo Thông tư số 01/2004/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) và tương đương.</p>
<p><u>Nhóm 2</u></p> <p>- Ngạch Kiểm tra viên hải quan tại đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục: Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm định hải quan;</p>	<p>Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban</p>

- Ngạch chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ) tại Cơ quan Tổng cục	hành theo Thông tư số 01/2004/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) và tương đương.
<p><u>Nhóm 3</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngạch Kiểm tra viên hải quan tại các đơn vị ngoài Nhóm 1, Nhóm 2. - Các ngạch Kế toán viên, Chuyên viên (công nghệ thông tin, xây dựng cơ bản). - Ngạch chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ) tại Cục Hải quan Hà Nội 	Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành theo Thông tư số 01/2004/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) và tương đương.

Hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Đối với ngạch Văn thư: Không yêu cầu.

V. HỒ SƠ TUYỂN DỤNG VÀ HỒ SƠ TRÚNG TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp trực tiếp (hoặc qua đường bưu chính) hồ sơ dự tuyển tại trụ sở Tổng cục Hải quan - số 9 đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; hoặc nộp trực tiếp hồ sơ dự tuyển tại trụ sở Cục Hải quan nơi thí sinh đăng ký dự tuyển.

Mỗi bộ hồ sơ gồm các thành phần tài liệu sau:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu. Tại Phiếu đăng ký dự tuyển, Thí sinh dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn ghi trong phiếu, có thể viết tay hoặc đánh máy nhưng phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký; phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật, trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và thí sinh dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Bản chụp (không yêu cầu chứng thực, công chứng, sao y) văn bằng tốt nghiệp, bằng điểm học tập (Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ); văn bằng, chứng chỉ để được miễn thi ngoại ngữ theo quy định.

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, khi nộp hồ sơ dự tuyển thí sinh cần nộp bản photo văn bằng và bằng kết quả học tập (tất cả kèm theo bản photo bản dịch sang tiếng Việt công chứng) và bản photo giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ theo quy định tại kế hoạch này (đối tượng ưu tiên trong thi tuyển công chức).

Lưu ý:

- Đối với trường hợp được miễn thi ngoại ngữ do có bằng tốt nghiệp Đại học, sau Đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định, học bằng 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung; nếu

trên bảng hoặc bảng điểm không thể hiện ngôn ngữ đào tạo bằng 1 trong 5 thứ tiếng nêu trên thì thí sinh phải bổ sung thêm tài liệu chứng minh ngôn ngữ đào tạo (xác nhận của cơ sở đào tạo, phụ lục văn bằng,...). Nếu tài liệu chứng minh ngôn ngữ đào tạo là tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt.

- Người dự tuyển không phải nộp các loại giấy tờ như Giấy khám sức khỏe, Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh (trừ trường hợp hướng dẫn tại mục 2, phần III, Kế hoạch này) và không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học khi đăng ký dự tuyển.

- Tất cả hồ sơ nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không hợp lệ.

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một vị trí việc làm tại một đơn vị, phải ghi rõ nội dung này trong phiếu đăng ký dự tuyển (hồ sơ dự tuyển đã nộp sẽ không trả lại). Nếu phát hiện thí sinh đăng ký dự tuyển không đúng quy định trên, Hội đồng sẽ xem xét loại khỏi danh sách dự thi.

2. Hồ sơ trúng tuyển

Trong trường hợp trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Người trúng tuyển xuất trình bản chính các văn bằng, công nhận văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên đã kê khai tại phiếu đăng ký dự tuyển để Tổng cục Hải quan thẩm tra, xác minh bảo đảm chính xác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ hồ sơ dự tuyển, hồ sơ trúng tuyển công chức của người trúng tuyển, Tổng cục Hải quan sẽ tổ chức thẩm tra, xác minh lý lịch, văn bằng theo hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm điều kiện đăng ký dự tuyển công chức, vi phạm trong kê khai phiếu đăng ký dự tuyển, kê khai lý lịch, sử dụng văn bằng không đúng quy định, Tổng cục Hải quan sẽ hủy bỏ kết quả trúng tuyển và xử lý theo quy định.

Ngoài ra, người trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ công chức theo quy định tại khoản 1, điều 9, Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức.

VI. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI TUYỂN VÀ XÁC ĐỊNH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

1. Nội dung và hình thức thi tuyển

Thi tuyển công chức được thực hiện theo 02 vòng thi:

a) Vòng 1: Thi trắc nghiệm bằng hình thức thi trên máy vi tính, gồm 02 phần với nội dung và thời gian như sau:

- Phần I: Kiến thức chung gồm 60 câu hỏi thuộc 04 lĩnh vực: hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; các kiến thức về tổ

chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan. Thời gian thi 60 phút và sử dụng ngân hàng đề thi chung cho tất cả các vị trí dự tuyển.

- Phần II: Ngoại ngữ tiếng Anh gồm 30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút. Nội dung thi theo trình độ ngoại ngữ yêu cầu của ngạch và vị trí dự tuyển.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì thí sinh được thi tiếp vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, theo hình thức phỏng vấn.

- Nội dung thi: kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của thí sinh dự tuyển công chức theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

- Thang điểm: 100 điểm.

- Thời gian thi: 30 phút cho một thí sinh (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn).

Căn cứ nội dung thi theo yêu cầu của từng vị trí việc làm, Tổng cục Hải quan xác định nội dung tài liệu ôn thi đối với từng môn thi và từng vị trí việc làm cần tuyển dụng và thông báo cho thí sinh.

2. Xác định trúng tuyển

Xác định thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

3. Quyết định tuyển dụng

Quyết định tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Hải quan

Căn cứ Kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Hải quan theo phê duyệt tại Kế hoạch này, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Hải quan năm 2023 gồm 05 hoặc 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: đại diện Lãnh đạo Tổng cục Hải quan;

- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Hải quan;

- 02 hoặc 04 Ủy viên khác là đại diện lãnh đạo cấp Vụ, Cục thuộc các đơn vị tại cơ quan Tổng cục Hải quan;

- 01 Ủy viên kiêm thư ký hội đồng là công chức Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Hải quan.

Các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng và các thành viên Hội đồng thực hiện quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/12/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Thông báo tuyển dụng công chức

Tổng cục Hải quan có trách nhiệm đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày (25 ngày theo đường bưu chính và 05 ngày trực tiếp) kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

3. Thời gian và địa điểm tổ chức thi

- Thời gian dự kiến tổ chức thi: dự kiến Quý III năm 2023.
- Địa điểm tổ chức thi: Căn cứ vào số lượng thí sinh đủ điều kiện dự thi, Tổng cục Hải quan quyết định lựa chọn tổ chức kỳ thi lần lượt theo khu vực, tại địa điểm thi phù hợp, đảm bảo thuận lợi cho thí sinh dự thi.

4. Thông báo kết quả tuyển dụng

- Ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng trên cơ sở báo cáo của Hội đồng tuyển dụng và báo cáo Bộ Tài chính (qua Vụ Tổ chức cán bộ) kết quả thực hiện theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan và điện thoại, hướng dẫn thí sinh đọc các nội dung đã được thông báo. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

5. Một số nội dung khác

- Căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi, Hội đồng tuyển dụng quyết định địa điểm tổ chức thi, đợt thi, ca thi của từng khu vực thi cho phù hợp, vừa đảm bảo sự kiểm soát của Hội đồng, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn khi tổ chức thi, vừa tạo điều kiện cho thí sinh trong việc di chuyển tới địa điểm thi.

- Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng chỉ đạo tổ chức việc ra đề thi phù hợp với trình độ chuyên môn theo yêu cầu của vị trí dự tuyển ở từng khu vực thi, có kết cấu bảo đảm tính khoa học, cân đối giữa các phần kiến thức cơ bản và phần kiến thức kiểm tra, đánh giá về khả năng tư duy, phân tích, tổng hợp của thí sinh.

VII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

Kinh phí tổ chức kỳ thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Ngoài ra, có sử dụng nguồn kinh phí đào tạo hàng năm của ngành Hải quan (nếu lệ phí thi do thí sinh nộp không đủ để tổ chức kỳ thi)./.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 01

BẢNG CHI TIẾT CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CỤC HẢI QUAN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1351/QĐ-BTC ngày 26 / 6 /2023 của Bộ Tài chính)

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ngạch Kiểm tra viên hải quan (08.051)	Ngạch Chuyên viên (công nghệ thông tin) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (xây dựng cơ bản) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (hợp tác quốc tế) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ, cải cách hiện đại hóa) (01.003)	Ngạch Văn thư (02.007)	Ngạch Kế toán viên (06.031)
4	CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ								
1	Cục Hải quan tỉnh An Giang	25	22					3	
2	Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	16	11	4				1	
3	Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh	2		1	1				
4	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	13	13						
5	Cục Hải quan tỉnh Bình Định	1	1						
6	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước	10	10						
7	Cục Hải quan tỉnh Cà Mau	5	5						
8	Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng	6	6						
9	Cục Hải quan TP. Cần Thơ	15	14					1	
10	Cục Hải quan TP. Đà Nẵng	25	20	1	2			2	
11	Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk	4	4						
12	Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai	10	10						
13	Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp	14	14						
14	Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	8	7	1					

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ngạch Kiểm tra viên hải quan (08.051)	Ngạch Chuyên viên (công nghệ thông tin) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (xây dựng cơ bản) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (hợp tác quốc tế) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ, cải cách hiện đại hóa) (01.003)	Ngạch Văn thư (02.007)	Ngạch Kế toán viên (06.031)
15	Cục Hải quan tỉnh Hà Giang	5	4	1					
16	Cục Hải quan Hà Nam Ninh	1	1						
17	Cục Hải quan TP. Hà Nội	15	13				2		
18	Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh	1	1						
19	Cục Hải quan TP. Hải Phòng	11	11						
20	Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	210	180	10					20
21	Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang	11	10					1	
22	Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa	10	10						
23	Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn	3	3						
24	Cục Hải quan tỉnh Lào Cai	1	1						
25	Cục Hải quan tỉnh Long An	11	11						
26	Cục Hải quan tỉnh Nghệ An	5	5						
27	Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình	7	7						
28	Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam	3	3						
29	Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	14	8	2	1			3	
30	Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	11	10					1	
31	Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh	1	1						
32	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	5	5						
	Tổng	479	421	20	4	0	2	12	20

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Ngạch Kiểm tra viên hải quan (08.051)	Ngạch Chuyên viên (công nghệ thông tin) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (xây dựng cơ bản) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (hợp tác quốc tế) (01.003)	Ngạch Chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ, cải cách hiện đại hóa) (01.003)	Ngạch Văn thư (02.007)	Ngạch Kế toán viên (06.031)
B	KHÔI CƠ QUAN TỈNH CỤC								
1	Cục Điều tra chống buôn lậu	2	2						
2	Cục Kiểm định hải quan	8	8						
3	Cục Thuế xuất nhập khẩu	9	9						
4	Cục Quản lý rủi ro	5	4					1	
5	Cục Giám sát quản lý về hải quan	9	8	1					
6	Cục Tài vụ - Quản trị	5					5		
7	Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan	8		8					
8	Vụ Hợp tác quốc tế	3				2		1	
9	Văn phòng Tổng cục	9		1	1		2	4	1
10	Vụ Tổ chức cán bộ	3					3		
11	Ban Cải cách, hiện đại hóa hải quan	3					3		
	Tổng	64	31	10	1	2	13	6	1
	TỔNG CỘNG	543	452	30	5	2	15	18	21

BẢNG CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THEO YÊU CẦU CỦA NGÁCH KIỂM TRA VIÊN HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1351/QĐ-BTC ngày 26 / 1 / 2023 của Bộ Tài chính)

I. CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỌNG CỤC HẢI QUAN:

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu thi tuyển	Chuyên ngành
1		Cục Điều tra chống buôn lậu	2	<p>Khai thác máy tàu biển; Tự động hóa hệ thống điện; Điện tử động tàu thủy; Điện tử Điều khiển máy tàu biển; Vận hành, khai thác, điều khiển máy tàu biển; Điện tử động tàu biển</p> <p>Hóa học; Công nghệ hóa học; Kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sư phạm Hóa học.</p> <p>Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật tuyển khoáng.</p> <p>Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm.</p> <p>Bảo vệ thực vật; Khoa học và kỹ thuật vật liệu; Dược.</p> <p>Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ hàn; Cơ khí chính xác và quang học; Khoa học & công nghệ chất dẻo và Composite; Kỹ thuật Cơ điện tử; Máy và tự động thủy khí; Động cơ đốt trong; Ô tô và xe chuyên dùng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí; Hệ thống điện; Thiết bị điện-điện tử; Điều khiển tự động; Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Tự động hóa công nghiệp; Kỹ thuật đo và tin học công nghiệp; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật gang thép; Công nghệ và thiết bị cán; Vật liệu học & Xử lý nhiệt bê mặt; Vật liệu kim loại màu và composit; Công nghệ dệt; Công nghệ nhuộm và hoàn tất; Công nghệ sản phẩm may; Công nghệ Giấy; Công nghệ sản xuất giấy và bột giấy;</p> <p>Thuế; Kiểm toán; Kế toán; Ngoại thương; Tài chính; Kinh tế đầu tư; Kinh tế đối ngoại; Kinh tế ngoại thương; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Quản lý kinh tế; Quản lý công; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Luật; Thương mại điện tử; Thương mại quốc tế; Thương mại đối ngoại; Quản trị kinh doanh; Quản lý kinh doanh; Hải quan và Logistics;</p>
2		Cục Kiểm định hải quan	8	
3	Kiểm tra viên hải quan (08.051)	Cục Thuế Xuất nhập khẩu	9	

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu thi tuyển	Chuyên ngành
4		Cục Quản lý rủi ro	4	Luật; Hải quan. Kế toán doanh nghiệp; kế toán kiểm toán; Kế toán tài chính. Ngoại thương; kinh tế đối ngoại; kinh doanh quốc tế; kinh doanh thương mại; thương mại đối ngoại; thương mại quốc tế; tài chính.
5		Cục Giám sát quản lý về hải quan	8	Luật Kinh tế; Luật Thương mại Quốc tế. Thuế - hải quan; Logistics; Kinh tế Quốc tế; Kinh tế đối ngoại; Thương mại quốc tế; Quản lý kinh tế.
		Tổng cộng	31	Kế toán; Kiểm toán; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính - ngân hàng.

II. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CỤC HẢI QUAN

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu thi tuyển	Nhóm chuyên ngành kinh tế, tài chính, luật	Nhóm chuyên ngành điều tra
1		Cục Hải quan tỉnh An Giang	22	Hải quan	Điều tra hình sự
2		Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	11	Thuế	Điều tra tội phạm
3		Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	13	Thuế Hải quan	Kỹ thuật hình sự
4		Cục Hải quan tỉnh Bình Định	1	Kiểm toán	Trình sát an ninh
5		Cục Hải quan tỉnh Bình Phước	10	Kế toán	Trình sát cảnh sát
6		Cục Hải quan tỉnh Cà Mau	5	Kế toán tài chính	
7		Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng	6	Kế toán doanh nghiệp	
8		Cục Hải quan TP. Cần Thơ	14	Kế toán kiểm toán	
9		Cục Hải quan TP. Đà Nẵng	20	Ngoại thương	
10		Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk	4	Nghiệp vụ ngoại thương	
11		Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai	10	Tài chính	
12		Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp	14	Tài chính Ngân hàng	
13		Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	7	Tài chính kế toán	
14		Cục Hải quan tỉnh Hà Giang	4	Tài chính quốc tế	
15		Cục Hải quan Hà Nam Ninh	1	Tài chính doanh nghiệp	
16		Cục Hải quan TP. Hà Nội	13	Kinh tế đầu tư	
17		Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh	1	Kinh tế đối ngoại	
18		Cục Hải quan TP. Hải Phòng	11	Kinh tế ngoại thương	
19		Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	180	Kinh tế phát triển	

Kiểm tra
viên hải
quan
(08.051)

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu thi tuyển	Chuyên ngành
20		Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang	10	Kinh tế vận tải biển
21		Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa	10	Kinh tế quốc tế
22		Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn	3	Kinh tế dầu tư tài chính
23		Cục Hải quan tỉnh Lào Cai	1	Quản lý kinh tế
24		Cục Hải quan tỉnh Long An	11	Quản lý công
25		Cục Hải quan tỉnh Nghệ An	5	Kinh doanh quốc tế
26		Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình	7	Kinh doanh thương mại
27		Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam	3	Kinh doanh xuất nhập khẩu
28		Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	8	Luật
29		Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	10	Thương mại điện tử
30		Cục Hải quan tỉnh Tây Ninh	1	Thương mại quốc tế
31		Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	5	Thương mại đối ngoại Quản trị kinh doanh Quản lý kinh doanh Logistics Hải quan và Logistics Logistics và quản lý chuỗi cung ứng Quản trị logistics
		Tổng cộng	421	
		TỔNG CỘNG	452	

BẢNG CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
CÁC NGẠCH CHUYÊN VIÊN, VĂN THƯ, KẾ TOÁN VIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1351/QĐ-BTC ngày 26/6/2023 của Bộ Tài chính)

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Chuyên ngành
I	Ngạch chuyên viên (công nghệ thông tin) (01.003)	Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4	Khoa học máy tính
		Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh	1	Hệ thống thông tin
		Cục Hải quan TP. Đà Nẵng	1	Kỹ thuật máy tính
		Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum	1	Công nghệ phần mềm
		Cục Hải quan tỉnh Hà Giang	1	Công nghệ thông tin
		Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	10	Tin học
		Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	2	Toán tin
		Cục Giám sát quản lý về hải quan	1	Mạng máy tính
		Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan	8	Điện tử viễn thông Kỹ thuật điện tử viễn thông Viễn thông
		Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan	1	Tự động hóa Khoa học dữ liệu Hệ thống máy tính Kỹ thuật phần mềm
Văn phòng Tổng cục			Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông Máy tính và khoa học thông tin An toàn thông tin Công nghệ kỹ thuật máy tính	
		Tổng cộng (I)	30	

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Chuyên ngành
II	Ngạch Văn thư (02.007)	Cục Hải quan tỉnh An Giang	3	Lưu trữ học
		Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	Quản trị văn phòng
		Cục Hải quan TP. Cần Thơ	1	Văn thư lưu trữ
		Cục Hải quan TP. Đà Nẵng	2	Hành chính
		Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang	1	Lưu trữ
		Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	3	Văn thư
		Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị	1	Quản lý nhà nước
		Cục Quản lý rủi ro	1	(Đối với 02 chuyên ngành gồm: hành chính, quản lý nhà nước thì yêu cầu nộp kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ)
		Vụ Hợp tác quốc tế	1	
		Văn phòng Tổng cục	4	
	Tổng cộng (II)	18		
III	Ngạch chuyên viên (xây dựng cơ bản) (01.003)	Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh	1	Xây dựng dân dụng
		Cục Hải quan TP. Đà Nẵng	2	Quản lý xây dựng
		Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh	1	Kỹ thuật điện
			Kỹ thuật điện tử	
			Kinh tế xây dựng	
Văn phòng Tổng cục	1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
		Kỹ thuật công trình xây dựng		
	Tổng cộng (III)	5		
IV	Ngạch chuyên viên (hợp tác quốc tế) (01.003)	Vụ Hợp tác quốc tế	2	Quan hệ quốc tế
				Ngôn ngữ Anh
				Quốc tế học
	Tổng cộng (IV)	2		
				Tiếng Anh thương mại

STT	Ngạch	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Chuyên ngành
V	Ngạch chuyên viên (kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức cán bộ, cải cách hiện đại hóa) (01.003)	Cục Hải quan TP. Hà Nội	2	Quản lý nguồn nhân lực; Quản trị nguồn nhân lực; Quản lý nhân lực; Quản trị nhân lực
		Cục Tài vụ - Quản trị	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Kế toán
		Văn phòng Tổng cục	1	Các chuyên ngành thuộc nhóm kinh tế, tài chính, luật tại Mục II Phụ lục 2A
		Vụ Tổ chức cán bộ	3	Công nghệ Điện ảnh truyền hình; Quay phim Điện ảnh truyền hình
		Ban Cải cách, hiện đại hóa hải quan	3	Quản lý nguồn nhân lực; Quản trị nguồn nhân lực; Quản lý nhân lực; Quản trị nhân lực
		Tổng cộng (V)		15
VI	Ngạch Kế toán viên (06.031)	Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh	20	Tài chính Kế toán
		Văn phòng Tổng cục	1	Kế toán tài chính Kế toán doanh nghiệp Kế toán kiểm toán
		Tổng cộng (VI)		21
TỔNG CỘNG			91	